TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH H** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **---------- **
Số: 21/2023/QĐCNTTLH	*P, ngày 26 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của những người yêu cầu chị Nguyễn Thị C và anh Phí Đức C.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn yêu cầu đề ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn của những người yêu cầu chị Nguyễn Thị C và anh Phí Đức C.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08 tháng 6 năm 2023 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Những người yêu cầu:

+ Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn C, thị trấn T, huyện P, tỉnh H.

+ Anh Phí Đức C, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Phí Ngọc Đăng B, sinh ngày 03/12/2014;

Địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố T, tỉnh T.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08 tháng 6 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 08 tháng 6 năm 2023, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Phí Đức C thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phí Đức C xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Phí Ngọc Đăng B, sinh ngày 03/12/2014. Ly hôn, chị C và anh C thỏa thuận giao cháu B cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Chị C và anh C thoả thuận, chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho anh C để nuôi dưỡng cháu B là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi thi hành án xong, nếu chị C không thi hành theo thỏa thuận thì phải trả lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Phí Đức C tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND TT T, GCNKH số 53/2013;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Q